

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 422/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2022

V/v tranh chấp Ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Khắc Chung
Ông Mai Minh Chánh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:***
Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 329/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 270/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1979; nơi cư trú: số 35/83D đường Trần Đình Xu, phường CK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp BN, thị trấn CD, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc: B18, tổ 158, ấp 3B, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Lê Văn Đ trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà T tự tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND phường CK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng dần về sau thì bất

đồng quan điểm, vợ chồng không còn hòa hợp, tính tình không hợp nhau. Vợ chồng sống ly thân khoảng 04 năm nay. Nay nhận thấy tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị T.

Về quan hệ con chung: Ông bà có 03 con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 26/5/2011, Lê Thúy Ng, sinh ngày 22/11/2015 và Lê Thúy V, sinh ngày 11/6/2017, hiện cháu H và cháu Ng đang sống với ông, ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H và cháu Ng, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu V hiện đang sống với bà T, ly hôn ông đồng ý giao cháu V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn bà Phạm Thị T đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng bà không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của bà.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Lê Văn Đ, cho ông Đ ly hôn với bà T. Ông bà có 03 con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 26/5/2011, Lê Thúy Ng, sinh ngày 22/11/2015 và Lê Thúy V, sinh ngày 11/6/2017, giao cháu H và cháu Ng cho ông Đ được tiếp tục nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Giao cháu V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà T, địa chỉ cư trú của bà T thuộc huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Lê Văn Đ và bà Phạm Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông Đ có đơn xin vắng mặt, bà T thì vắng mặt không có lý do chính đáng tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà T theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Ông Đ và bà T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/7/2014 tại UBND phường CK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Nay cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn nên ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà T.

[2.2] Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T để bà thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên cho đến nay bà T vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như bà tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

[2.3] Qua xác minh thì địa phương cho biết bà Phạm Thị T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm BN, thị trấn CD, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn cụ thể giữa ông bà như thế nào thì địa phương không rõ.

[2.4] Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống nhưng trên thực tế giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, không còn sự thăm nom, chăm sóc lẫn nhau và không còn chung sống cùng nhau. Nay ông Đ yêu cầu ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn và ông từ chối việc Tòa án tiếp tục hòa giải cũng như xin vắng mặt khi xét xử cho thấy sự cương quyết trong việc yêu cầu ly hôn, bà T thì trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho ông bà hàn gắn lại với nhau nhưng bà T vắng mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đến Tòa án, điều này chứng tỏ bà T không có thiện chí muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình, không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của ông Đ. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của ông bà không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của ông Đ với bà T là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 26/5/2011, Lê Thúy Ng, sinh ngày 22/11/2015 và Lê Thúy V, sinh ngày 11/6/2017, cháu H và cháu Ng hiện đang sống với ông Đ. Khi ly hôn, ông Đ yêu cầu được nuôi cháu H và cháu Ng, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu V hiện đang sống với bà T, khi ly hôn ông Đ đồng ý giao cháu V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con chung cũng như không đến Tòa án tham gia hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến của bà T về việc nuôi con. Xét thấy, hiện cháu H và cháu Ng đang sống cùng ông Đ, để đảm bảo việc ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập cho con chung và phù hợp nguyện vọng cháu H và cháu Ng nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là cháu H và cháu Ng cho ông Đ được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi

con do ông Đ không có yêu cầu. Riêng đối với cháu V hiện tại đang sống cùng bà T, cháu V chưa đủ 07 tuổi nên chưa ghi nhận được ý kiến của cháu để xem xét nguyện vọng của cháu. Tuy nhiên, hiện cháu V đang sống ổn định cùng bà T và ông Đ cũng đồng ý giao cháu V cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện cháu V đang sống cùng bà T, để đảm bảo việc ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là cháu V cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu.

[2.6] Ông Đ, bà T và các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho Lê Văn Đ ly hôn với bà Phạm Thị T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2014, quyền số 01/2014 cấp ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân phường CK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Lê Văn Đ và bà Phạm Thị T không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ông bà có 03 con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 26/5/2011, Lê Thúy Ng, sinh ngày 22/11/2015 và Lê Thúy V, sinh ngày 11/6/2017, cháu H và cháu Ng đang sống cùng ông Đ, cháu V sống cùng bà T. Giao con chung là cháu H và cháu Ng cho ông Đ được tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung là cháu V cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng, ông bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đ, bà T và các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc

thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Lê Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005395 ngày 26/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú. Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Lê Văn Đ và bà Phạm Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hương